

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
DỊCH VỤ HỘI AN**

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 14 - 36 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Du lịch Dịch vụ Hội An theo Quyết định số 51/QĐ-TU ngày 16 tháng 02 năm 2006 của Tỉnh ủy Quảng Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3303070234 ngày 01 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 7 lần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi do thay đổi hoạt động sản xuất kinh doanh, bổ sung các Chi nhánh, thay đổi mã số thuế và thay đổi Tổng Giám đốc của Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 7 số 4000102418 ngày 23 tháng 9 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp.

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại : (84) 0510.3.861.373 - 3.861.445 - 3.861.362
Fax : (84) 0510.3.861.636

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| <u>Tên đơn vị</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|--|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Khách sạn Hội An | Số 10 Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Khu du lịch biển Hội An | Số 01 Cửa Đại - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Trung tâm Lễ hành Hội An | Số 10 Trần Hưng Đạo TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Xí nghiệp giặt Hội An | Số 99A Cửa Đại - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam |
| (Chấm dứt hoạt động từ ngày 27 tháng 11 năm 2017) | |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch- Dịch vụ Hội An - Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh | Thôn Hạ Thanh - xã Tam Thanh - thành phố Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam |
| Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An tại TP Hồ Chí Minh | Tầng 04 - Toà nhà Lâm Giang 167-173 Trần Hưng Đạo - Quận 1- TP Hồ Chí Minh |
| Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An tại Hà Nội | Tầng 5, số 559 Kim Mã - Quận Ba Đình - TP. Hà Nội |

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao dưới nước, dịch vụ lặn biển);
- Điều hành tua du lịch (Chi tiết: Dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế);
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (Chi tiết: Vận tải ven biển bằng ca nô);
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, đại lý đối ngoại tệ);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao (Chi tiết: Dịch vụ thể dục thẩm mỹ, thể dục thể hình);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: Vận tải khách du lịch; vận tải khách theo hợp đồng);
- Hoạt động viễn thông khác (Chi tiết: Dịch vụ internet);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ);
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Chi tiết: Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống)/.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Ban | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2017 |
| Ông Vũ Hiền | Phó Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2017 |
| Ông Lê Tiến Dũng | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2017 |
| Ông Trần Văn Tân | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Tổng Sơn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2017 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|------------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Trình Thị Kim Quy | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2017 |
| Ông Đoàn Ngọc Trung | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2017 |
| Ông Phạm Thị Thanh Huệ | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2017 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|------------------------|---------------------------------------|------------------------------------|
| Ông Lê Tiến Dũng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2009 |
| Ông Nguyễn Văn Cư | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013 |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan | Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013 |

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Tiến Dũng (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2009).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lê Tiên Dũng

Ngày 02 tháng 3 năm 2018



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : I5-13 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 2.0145/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2018, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Phạm Quang Huy - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1409-2018-008-1

Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0374-2018-008-1

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 42.244.033.492 | 21.025.431.951 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 27.281.002.826 | 5.943.360.194 |
| 1. Tiền | 111 | | 6.281.002.826 | 5.943.360.194 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 21.000.000.000 | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 11.003.837.874 | 10.706.078.740 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 9.640.647.813 | 9.756.324.771 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 230.656.000 | 190.642.750 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.3a | 1.324.694.401 | 951.271.559 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.4 | (192.160.340) | (192.160.340) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 2.833.243.586 | 3.525.257.251 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.5 | 2.833.243.586 | 3.525.257.251 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.125.949.206 | 850.735.766 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.6a | 1.125.949.206 | 850.735.766 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 105.923.195.491 | 125.909.362.869 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 524.000.000 | 574.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.3b | 524.000.000 | 574.000.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 87.634.236.030 | 100.693.593.377 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 78.961.568.351 | 91.311.748.841 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 219.966.926.194 | 218.489.199.206 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (141.005.357.843) | (127.177.450.365) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8 | 8.672.667.679 | 9.381.844.536 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 10.771.798.998 | 10.771.798.998 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (2.099.131.319) | (1.389.954.462) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | V.9 | 784.181.826 | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 784.181.826 | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 16.980.777.635 | 24.641.769.492 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.6b | 16.980.777.635 | 24.641.769.492 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 148.167.228.983 | 146.934.794.820 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 36.524.091.534 | 36.543.003.886 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 28.417.605.344 | 29.539.446.982 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10 | 5.618.798.303 | 10.693.945.450 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.11 | 2.650.663.924 | 1.629.885.975 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 8.117.844.890 | 6.397.351.392 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 9.199.922.920 | 8.014.932.507 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 59.540.542 | 7.876.667 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.13a | 1.882.629.350 | 589.750.005 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.14a | 1.040.000.000 | 1.983.077.000 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.15 | (151.794.585) | 222.627.986 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 8.106.486.190 | 7.003.556.904 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.13b | - | 47.000.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.14b | 7.077.214.311 | 6.257.214.311 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | V.16 | 1.029.271.879 | 699.342.593 |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 111.643.137.449 | 110.391.790.934 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17 | 111.643.137.449 | 110.391.790.934 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (630.000) | (630.000) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 19.949.467.125 | 19.684.373.428 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 11.694.300.324 | 10.708.047.506 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 100.501.165 | 10.708.047.506 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 11.593.799.159 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 148.167.228.983 | 146.934.794.820 |

Lập ngày 02 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 187.338.054.436 | 175.170.781.593 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 170.813.781 | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 187.167.240.655 | 175.170.781.593 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 134.498.900.939 | 133.443.905.594 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 52.668.339.716 | 41.726.875.999 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 341.238.164 | 77.563.793 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 1.127.669.515 | 704.115.054 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 1.080.832.160 | 634.227.044 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 18.619.342.826 | 10.225.218.864 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 18.204.455.434 | 17.688.855.996 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 15.058.110.105 | 13.186.249.878 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 1.224.168.531 | 449.962.951 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 715.225.149 | 198.134.415 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 508.943.382 | 251.828.536 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 15.567.053.487 | 13.438.078.414 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | 3.643.325.042 | 2.125.026.924 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.9 | 329.929.286 | 699.342.593 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 11.593.799.159 | 10.613.708.897 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | 1.348 | 1.167 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | 1.348 | 1.167 |

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lập, ngày 02 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Lê Tiên Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | | |
|--|----------------------|------------------------|-------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 15.567.053.487 | 13.438.078.414 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 15.211.389.807 | 16.867.987.009 |
| - Các khoản dự phòng | 03 VI.6 | - | 7.203.000 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 VI.3 | (4.269.864) | (6.162.556) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (399.327.222) | (280.909.090) |
| - Chi phí lãi vay | 06 VI.4 | 1.080.832.160 | 634.227.044 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 31.455.678.368 | 30.660.423.821 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (577.688.420) | 2.573.444.357 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 692.013.665 | (145.795.134) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (1.795.846.554) | 3.402.833.490 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 7.385.778.417 | 1.740.639.357 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (1.029.168.285) | (656.701.846) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 V.12 | (2.420.555.144) | (2.023.470.549) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 V.15 | 19.966.000 | 31.600.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 V.15 | (1.136.916.815) | (1.341.154.783) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 32.593.261.232 | 34.241.818.713 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (2.936.214.286) | (20.476.839.926) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | 228.980.000 | 280.909.090 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 170.347.222 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (2.536.887.064) | (20.195.930.836) |

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | | Năm trước |
|--|----------------------|------------------------|-------------------------|-----------|
| | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - | |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 V.14 | 11.152.979.868 | 38.424.544.447 | |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 V.14 | (11.276.056.868) | (41.090.027.706) | |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | - | - | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (8.599.924.400) | (8.799.930.700) | |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | <i>(8.723.001.400)</i> | <i>(11.465.413.959)</i> | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 21.333.372.768 | 2.580.473.918 | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 V.1 | 5.943.360.194 | 3.356.723.720 | |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 4.269.864 | 6.162.556 | |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 V.1 | 27.281.002.826 | 5.943.360.194 | |

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lập, ngày 02 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Dịch vụ bán vé máy bay;
- Dịch vụ giặt là.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 20 tháng 02 năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 08/QĐ.HDQT, theo đó, quyết định giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Khách sạn ven sông Bàn Thạch.

Ngày 27 tháng 11 năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 52/QĐ.HDQT, theo đó, quyết định chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Xí nghiệp Giặt Hội An.

Ngày 15 tháng 3 năm 2017, Công ty đã bàn giao lại khu du lịch bãi Bắc Cù Lao Chàm cho Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh Quảng Nam phục vụ mục đích quân sự.

6. Cấu trúc của Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Khách sạn Hội An | Số 10 Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Khu du lịch biển Hội An | Số 01 Cửa Đại - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Trung tâm Lữ hành Hội An | Số 10 Trần Hưng Đạo - TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Xí nghiệp giặt Hội An | Số 99A Cửa Đại - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam |
| (Chấm dứt hoạt động từ ngày 27 tháng 11 năm 2017) | |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh | Thôn Hạ Thanh - xã Tam Thanh - TP. Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam |

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|--|
| Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An tại TP Hồ Chí Minh | Tầng 04 - Tòa nhà Lâm Giang 167-173 Trần Hưng Đạo - Quận 1- TP Hồ Chí Minh |
| Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An TP Hà Nội | Tầng 5, số 559 Kim Mã - Quận Ba Đình - TP. Hà Nội |

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 497 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 541 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu, hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 5 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 |

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 - 5 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 823.836.865 | 693.216.586 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 5.444.221.460 | 5.192.725.416 |
| Tiền đang chuyển | 12.944.501 | 57.418.192 |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng) | 21.000.000.000 | |
| Cộng | <u>27.281.002.826</u> | <u>5.943.360.194</u> |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>523.508.000</i> | <i>523.508.000</i> |
| Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam | 523.508.000 | 523.508.000 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>9.117.139.813</i> | <i>9.232.816.771</i> |
| Công ty TNHH MTV Du lịch Trâu Việt Nam | 670.010.550 | 821.619.550 |
| Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Sài Gòn Tourist tại Đà Nẵng | 357.461.540 | 750.882.051 |
| Các khách hàng khác | 8.089.667.723 | 7.660.315.170 |
| Cộng | <u>9.640.647.813</u> | <u>9.756.324.771</u> |

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**3a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|-----------------------------|-----------------|---------------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Thu đại lý vé máy bay | 836.734.901 | | 605.162.905 | |
| Phải thu lãi tiền gửi | 103.361.111 | | | |
| Phải thu các khoản trợ cấp từ cơ quan BHXH | 7.231.350 | | 18.741.615 | |
| Phải thu khoản đặt cọc thuê văn phòng | 90.248.000 | | 40.248.000 | |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 287.119.039 | | 287.119.039 | |
| Cộng | <u>1.324.694.401</u> | | <u>951.271.559</u> | |

3b. Phải thu dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|---------------------------|-----------------|---------------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Ký quỹ tại Ngân hàng Công thương Việt Nam | 500.000.000 | | 500.000.000 | |
| Ký quỹ, đặt cọc khác | 24.000.000 | | 74.000.000 | |
| Cộng | <u>524.000.000</u> | | <u>574.000.000</u> | |

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|-------------------------|--------------------|------------------------|-------------------------|--------------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn (năm) | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn (năm) | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty TNHH Tân Đông An | | | | | | |
| <i>Phải thu tiền cung cấp dịch vụ giặt là</i> | 5 | 97.956.000 | | 4 | 97.956.000 | |
| Công ty Cổ phần Đất Mỹ Kế | | | | | | |
| <i>Phải thu tiền cung cấp dịch vụ phòng khách sạn</i> | 5 | 70.194.340 | | 4 | 70.194.340 | |
| Công ty TNHH Chia Khóa Việt | | | | | | |
| <i>Phải thu tiền cung cấp dịch vụ du lịch</i> | 4 | 24.010.000 | | 3 | 24.010.000 | |
| Cộng | | 192.160.340 | | | 192.160.340 | |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 192.160.340 | 184.957.340 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | | 7.203.000 |
| Hoàn nhập dự phòng | | |
| Số cuối năm | 192.160.340 | 192.160.340 |

5. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 775.895.190 | | 1.168.133.147 | |
| Công cụ, dụng cụ | 1.387.065.507 | | 1.673.416.713 | |
| Hàng hóa | 670.282.889 | | 683.707.391 | |
| Cộng | 2.833.243.586 | | 3.525.257.251 | |

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

6a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ | 454.348.045 | 462.658.376 |
| Chi phí sửa chữa | 435.642.942 | 51.805.251 |
| Thuê văn phòng | 75.775.461 | |
| Chi phí bảo hiểm | 116.375.165 | 133.135.481 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 43.807.593 | 203.136.658 |
| Cộng | 1.125.949.206 | 850.735.766 |

6b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ | 6.910.957.180 | 11.457.210.544 |
| Chi phí bảo trì, sửa chữa | 8.994.510.681 | 11.045.052.654 |
| Chi phí thuê mặt bằng | 149.666.655 | 175.666.659 |
| Phí bảo hành phần mềm | 81.039.997 | 135.066.662 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 844.603.122 | 1.828.772.973 |
| Cộng | 16.980.777.635 | 24.641.769.492 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản khác | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|--------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 146.275.055.239 | 43.594.209.700 | 22.652.574.391 | 5.516.264.876 | 451.095.000 | 218.489.199.206 |
| Mua trong năm | | 312.418.000 | | | | 312.418.000 |
| XDCB hoàn thành | 820.858.660 | 378.435.800 | | 640.320.000 | | 1.839.614.460 |
| Thanh lý, nhượng bán | | | (674.305.472) | | | (674.305.472) |
| Số cuối năm | 147.095.913.899 | 44.285.063.500 | 21.978.268.919 | 6.156.584.876 | 451.095.000 | 219.966.926.194 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 18.360.920.308 | 23.318.238.468 | 7.053.407.123 | 3.215.872.901 | | 51.948.438.800 |
| Chờ thanh lý | | | | | | |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 78.556.232.350 | 31.048.750.244 | 14.076.703.593 | 3.473.209.428 | 22.554.750 | 127.177.450.365 |
| Khấu hao trong năm | 7.326.531.290 | 3.883.921.670 | 2.326.997.522 | 874.543.468 | 90.219.000 | 14.502.212.950 |
| Thanh lý, nhượng bán | | | (674.305.472) | | | (674.305.472) |
| Số cuối năm | 85.882.763.640 | 34.932.671.914 | 15.729.395.643 | 4.347.752.896 | 112.773.750 | 141.065.357.843 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 67.718.822.889 | 12.545.459.456 | 8.575.870.798 | 2.043.055.448 | 428.540.250 | 91.311.748.841 |
| Số cuối năm | 61.213.150.259 | 9.352.391.586 | 6.248.873.276 | 1.808.831.980 | 338.321.250 | 78.961.568.351 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | | | | | | |
| Đang chờ thanh lý | | | | | | |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 22.612.830.677 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.

8. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------------------------|----------------------|--------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 7.363.944.364 | 3.407.854.634 | 10.771.798.998 |
| Số cuối năm | 7.363.944.364 | 3.407.854.634 | 10.771.798.998 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | | 380.000.000 | 380.000.000 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 511.607.059 | 878.347.403 | 1.389.954.462 |
| Khấu hao trong năm | 90.283.596 | 618.893.261 | 709.176.857 |
| Số cuối năm | 601.890.655 | 1.497.240.664 | 2.099.131.319 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 6.852.337.305 | 2.529.507.231 | 9.381.844.536 |
| Số cuối năm | 6.762.053.709 | 1.910.613.970 | 8.672.667.679 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | | | |
| Đang chờ thanh lý | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u> | <u>Kết chuyển phân bổ</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|---------------------------------------|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------|--------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | | 640.320.000 | 640.320.000 | | |
| Xây dựng cơ bản dở dang | | 2.916.898.031 | 1.199.294.460 | 933.421.745 | 784.181.826 |
| <i>Dự án Khu du lịch Biển</i> | | <i>1.379.218.748</i> | | <i>757.764.195</i> | <i>621.454.553</i> |
| <i>Dự án Khu nghỉ dưỡng Tam Thanh</i> | | <i>1.284.739.010</i> | <i>1.199.294.460</i> | <i>85.444.550</i> | |
| <i>Dự án khác</i> | | <i>252.940.273</i> | | <i>90.213.000</i> | <i>162.727.273</i> |
| Cộng | | 3.557.218.031 | 1.839.614.460 | 933.421.745 | 784.181.826 |

10. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Kim Châu | | 1.039.983.365 |
| Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Tân Phước | 99.088.000 | 2.946.654.200 |
| Các nhà cung cấp khác | 5.519.710.303 | 6.707.307.885 |
| Cộng | 5.618.798.303 | 10.693.945.450 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là người mua trả tiền trước dịch vụ.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã thực nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--|----------------------|------------------------------|---------------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 365.228.846 | 13.455.191.263 | (12.953.455.945) | 866.964.164 |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 43.494.076 | 560.883.140 | (558.240.921) | 46.136.295 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 321.026.924 | 3.643.325.042 | (2.420.555.144) | 1.543.796.822 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 93.421.546 | 831.510.467 | (871.082.016) | 53.849.997 |
| Thuế nhà đất | | 2.525.682.476 | (2.525.682.476) | |
| Thuế nhà thầu | | 976.308.836 | (943.391.224) | 32.917.612 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 5.574.180.000 | 2.220.147.886 | (2.220.147.886) | 5.574.180.000 |
| Cộng | 6.397.351.392 | 24.213.049.110 | (22.492.555.612) | 8.117.844.890 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ thực hiện Tour nước ngoài là 0%, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 15.567.053.487 | 13.438.078.414 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 2.525.861.324 | (2.812.943.794) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 4.179.764.942 | 689.931.728 |
| <i>Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành</i> | 692.072.727 | 599.563.636 |
| <i>Các khoản chi phí không hợp lệ</i> | 3.481.529.659 | 87.851.478 |
| <i>Chênh lệch tỷ giá năm trước</i> | 6.162.556 | 2.516.614 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (1.653.903.618) | (3.502.875.522) |
| <i>Chênh lệch phân bổ chi phí sửa chữa tài sản cố định và công cụ dụng cụ</i> | (1.649.646.428) | (3.496.712.966) |
| <i>Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của tiền và các khoản phải thu có gốc ngoại tệ</i> | (4.257.190) | (6.162.556) |
| Thu nhập chịu thuế | 18.092.914.811 | 10.625.134.620 |
| Thu nhập được miễn thuế | | |
| Lỗi các năm trước được chuyển | | |
| Thu nhập tính thuế | 18.092.914.811 | 10.625.134.620 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 3.618.582.962 | 2.125.026.924 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 3.618.582.962 | 2.125.026.924 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | 24.742.080 | |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 3.643.325.042 | 2.125.026.924 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích như sau:

| Địa điểm | Diện tích | Đơn giá |
|---|-------------------------|--------------------------------|
| Số 10 đường Trần Hưng Đạo, phường Minh An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam | 16.340,5 m ² | 95.200 VND/m ² /năm |
| Đường Cửa Đại, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam | 4.767 m ² | 78.540 VND/m ² /năm |
| Đường Âu Cơ, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam | 14.300,6 m ² | 35.420 VND/m ² /năm |
| Thôn Hạ Thanh, xã Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ | 8.246,3 m ² | 5.590 VND/m ² /năm |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

13a. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|--------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | 1.000.000.000 | |
| Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam - Cổ tức phải trả | 1.000.000.000 | |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | 882.629.350 | 589.750.005 |
| Kinh phí công đoàn | | 119.561.873 |
| Thuế thu nhập cá nhân thu hộ | 216.445.352 | 208.813.544 |
| Phải trả đại lý vé máy bay | 179.255.752 | 62.971.291 |
| Thù lao Hội đồng quản trị | 144.850.089 | 75.196.744 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 342.078.157 | 123.206.553 |
| Cộng | 1.882.629.350 | 589.750.005 |

13b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược của lái xe.

14. Vay ngắn hạn/dài hạn

14a. Vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ⁽ⁱ⁾ | | 1.283.077.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.14b) | 1.040.000.000 | 700.000.000 |
| Cộng | 1.040.000.000 | 1.983.077.000 |

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 05/2016 - HĐĐA/NHCT484 - CTY CP DL DV HỘI AN ngày 07/08/2016 để thanh toán các chi phí Dự án đầu tư mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản năm 2016, hạn mức 4,3 tỷ, lãi suất 8,5%/1 năm, thời hạn vay 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--|----------------------|--|----------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| <i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i> | | | | | |
| Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 1.283.077.000 | 9.152.979.868 | | 10.436.056.868 | |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 700.000.000 | | 1.040.000.000 | 700.000.000 | 1.040.000.000 |
| Cộng | 1.983.077.000 | 9.152.979.868 | 1.040.000.000 | 11.136.056.868 | 1.040.000.000 |

14b. Vay dài hạn

Toàn bộ số dư vay dài hạn là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 15/2015-HĐĐA/NHCT 484 – Công ty Hội An ngày 05/08/2015, mục đích khoản vay sử dụng cho dự án đầu tư khu du lịch nghỉ mát Tam Thanh – Thành phố Tam Kỳ, hạn mức tín dụng 15.000.000.000 VND, lãi suất 10,5%/1 năm cho khoản vay phát sinh năm 2016 và lãi suất 9%/1 năm cho khoản vay phát sinh năm 2017, thời hạn vay là 120 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, toàn bộ công trình xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh (không bao gồm quyền sử dụng đất).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 1.040.000.000 | 700.000.000 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 4.160.000.000 | 3.200.000.000 |
| Trên 5 năm | 2.917.214.311 | 3.057.214.311 |
| Cộng | <u>8.117.214.311</u> | <u>6.957.214.311</u> |

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 6.257.214.311 | 1.880.356.800 |
| Số tiền vay phát sinh | 2.000.000.000 | 5.226.857.511 |
| Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả | (1.040.000.000) | (150.000.000) |
| Số tiền vay đã trả | (140.000.000) | (700.000.000) |
| Số cuối năm | <u>7.077.214.311</u> | <u>6.257.214.311</u> |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Tăng do trích lập từ | | | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|-----------------|-----------------------------|---------------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>Số đầu năm</u> | <u>lợi nhuận</u> | <u>Tăng khác</u> | | |
| Quỹ khen thưởng | (291.711.592) | 445.516.947 | 19.966.000 | 533.303.815 | (359.532.460) |
| Quỹ phúc lợi | 514.339.578 | 297.011.297 | - | 603.613.000 | 207.737.875 |
| Cộng | <u>222.627.986</u> | <u>742.528.244</u> | <u>19.966.000</u> | <u>1.136.916.815</u> | <u>(151.794.585)</u> |

16. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi phí sửa chữa tài sản phân bổ vượt khung 3 năm theo quy định của cơ quan thuế tại Thông tư 45/2013/TT-BTC và chi phí công cụ dụng cụ phân bổ vượt 3 năm theo quy định của cơ quan thuế tại Thông tư 78/2014/TT-BTC. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Số đầu năm | 699.342.593 | |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | 329.929.286 | 699.342.593 |
| Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu | | |
| Số cuối năm | <u>1.029.271.879</u> | <u>699.342.593</u> |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | <u>Vốn góp của chủ sở hữu</u> | <u>Cổ phiếu quỹ</u> | <u>Quỹ đầu tư phát triển</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------|------------------------------|--|-------------------------------|
| Số đầu năm trước | 80.000.000.000 | (630.000) | 19.718.008.069 | 9.544.791.635 | 109.262.169.704 |
| Lợi nhuận trong năm trước | | | | 10.613.708.897 | 10.613.708.897 |
| Trích lập các quỹ | | | | (650.522.326) | (650.522.326) |
| Sử dụng quỹ | | | (33.634.641) | | (33.634.641) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | | | | (8.799.930.700) | (8.799.930.700) |
| Số dư cuối năm trước | <u>80.000.000.000</u> | <u>(630.000)</u> | <u>19.684.373.428</u> | <u>10.708.047.506</u> | <u>110.391.790.934</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Vốn góp của chủ sở hữu</u> | <u>Cổ phiếu quỹ</u> | <u>Quỹ đầu tư phát triển</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------|-------------------------------|---------------------|------------------------------|--|------------------------|
| Số dư đầu năm nay | 80.000.000.000 | (630.000) | 19.684.373.428 | 10.708.047.506 | 110.391.790.934 |
| Lợi nhuận năm nay | | | | 11.593.799.159 | 11.593.799.159 |
| Trích lập các quỹ | | | 265.093.697 | (1.007.621.941) | (742.528.244) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | | | | (9.599.924.400) | (9.599.924.400) |
| Số dư cuối năm nay | 80.000.000.000 | (630.000) | 19.949.467.125 | 11.694.300.324 | 111.643.137.449 |

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Vốn đầu tư của Nhà nước | 45.202.380.000 | 45.202.380.000 |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 34.797.620.000 | 34.797.620.000 |
| Cộng | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 |

17c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 8.000.000 | 8.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 7.999.937 | 7.999.937 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 7.999.937 | 7.999.937 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 63 | 63 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 63 | 63 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 7.999.937 | 7.999.937 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 7.999.937 | 7.999.937 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 20/2017/NQ.ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 3 năm 2017 như sau:

| | | |
|----------------------------------|---|---------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông | : | 9.599.924.400 |
| • Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | : | 742.528.244 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | : | 265.093.697 |

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 38.771,91 | 39.213,18 |
| Euro (EUR) | 1.355,00 | 1.400,00 |
| Dollar Úc (AUD) | 6.120,00 | 1.545,00 |
| Bảng Anh (GBP) | 210,00 | 450,00 |
| Yên Nhật (JPY) | 51.000,00 | 1.000,00 |
| Dollar Hồng Kông (HKD) | 120,00 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| Doanh thu | 187.338.054.436 | 175.170.781.593 |
| Doanh thu dịch vụ Nhà hàng, Khách sạn | 147.512.092.481 | 135.066.491.509 |
| Doanh thu dịch vụ Lữ hành Du lịch | 29.602.866.806 | 28.218.077.501 |
| Doanh thu Giặt là | 6.658.570.885 | 8.659.375.601 |
| Doanh thu Spa | 2.343.856.932 | 2.135.380.490 |
| Doanh thu khác | 1.220.667.332 | 1.091.456.492 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 170.813.781 | |
| Chiết khấu thương mại | 170.813.781 | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 187.167.240.655 | 175.170.781.593 |
| Doanh thu dịch vụ Nhà hàng, Khách sạn | 147.341.278.700 | 135.066.491.509 |
| Doanh thu dịch vụ lữ hành du lịch | 29.602.866.806 | 28.218.077.501 |
| Doanh thu giặt là | 6.658.570.885 | 8.659.375.601 |
| Doanh thu Spa | 2.343.856.932 | 2.135.380.490 |
| Doanh thu khác | 1.220.667.332 | 1.091.456.492 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác ngoài Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam. Giao dịch phát sinh trong năm với Văn Phòng Tỉnh ủy Quảng Nam như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------|----------------|------------------|
| Cung cấp dịch vụ lưu trú | 153.766.393 | 637.960.455 |
| Cung cấp dịch vụ lữ hành | 7.636.364 | |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn dịch vụ Nhà hàng, Khách sạn | 100.502.727.416 | 100.580.367.043 |
| Giá vốn dịch vụ Lữ hành Du lịch | 25.840.980.095 | 24.077.024.340 |
| Giá vốn Giặt là | 6.289.614.187 | 7.029.735.393 |
| Giá vốn Spa | 1.865.579.241 | 1.756.778.818 |
| Cộng | 134.498.900.939 | 133.443.905.594 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 55.573.031 | 21.243.839 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 170.347.222 | |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 111.060.721 | 50.157.398 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 4.257.190 | 6.162.556 |
| Cộng | 341.238.164 | 77.563.793 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Chi phí lãi vay | 1.080.832.160 | 634.227.044 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 46.837.355 | 69.888.010 |
| Cộng | <u>1.127.669.515</u> | <u>704.115.054</u> |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 3.022.930.373 | 3.082.470.713 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 283.680.424 | 579.040.195 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.552.417.370 | 6.364.953.996 |
| Các chi phí khác | 3.760.314.659 | 198.753.960 |
| Cộng | <u>18.619.342.826</u> | <u>10.225.218.864</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 12.313.499.859 | 11.285.608.370 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 631.200.979 | 568.688.618 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 609.882.702 | 495.644.975 |
| Phí lệ phí phải nộp nhà nước | 10.000.000 | 10.500.000 |
| Chi phí dự phòng | | 7.203.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.638.081.877 | 4.289.448.465 |
| Các chi phí khác | 1.001.790.017 | 1.031.762.568 |
| Cộng | <u>18.204.455.434</u> | <u>17.688.855.996</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|---------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 228.980.000 | 280.909.090 |
| Lãi thanh lý công cụ dụng cụ, hàng hóa | 191.773.636 | 55.228.748 |
| Thu đền bù Bãi Bắc Cù Lao Chàm | 742.462.727 | |
| Phạt vi phạm hợp đồng | | 50.620.000 |
| Các khoản khác | 60.952.168 | 63.205.113 |
| Cộng | <u>1.224.168.531</u> | <u>449.962.951</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Thanh lý công cụ dụng cụ | 59.082.441 | |
| Chi phí cải tạo và công cụ Bãi Bắc Cù Lao Chàm | 408.332.197 | |
| Chi phí tư vấn Nhà khách tỉnh ủy | 136.200.000 | |
| Hàng hóa hết hạn sử dụng | 29.136.582 | 46.317.395 |
| Các khoản khác | 82.453.662 | 151.817.020 |
| Cộng | <u>715.225.149</u> | <u>198.134.415</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 329.929.286 | 699.342.593 |

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 11.593.799.159 | 10.613.708.897 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | | |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | (811.565.941) | (742.959.623) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 10.782.233.218 | 9.870.749.274 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 7.999.937 | 7.999.937 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | <u>1.348</u> | <u>1.234</u> |

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 tạm tính bằng 7% trên lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo tờ trình 14/TT.HĐQT ngày 03 tháng 3 năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 thay đổi từ 1.167 VND lên 1.234 VND, do xác định lại các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 35.948.474.409 | 35.338.774.204 |
| Chi phí nhân công | 56.465.071.269 | 56.152.235.136 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 15.211.389.807 | 16.867.987.009 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 53.697.957.070 | 38.963.529.257 |
| Chi phí khác | 9.999.806.644 | 14.035.454.848 |
| Cộng | <u>171.322.699.199</u> | <u>161.357.980.454</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Tiền lương, tiền thưởng và các khoản phụ cấp | 2.204.030.825 | 2.346.660.233 |

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---------------------------------------|--------------------|
| Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán VN Direct | Cổ đông lớn |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1, Công ty chỉ phát sinh giao dịch thuê Công ty Cổ phần Chứng khoán VN Direct tư vấn tái cấu trúc mô hình tổ chức Công ty, số tiền 282.970.000 VND (năm trước: không phát sinh).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn.
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành.
- Kinh doanh dịch vụ giặt là, spa và dịch vụ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Nhà hàng, khách sạn | Lữ hành | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Năm nay | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 147.341.278.700 | 29.602.866.806 | 10.223.095.149 | | 187.167.240.655 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | 2.962.373.209 | 1.440.909.159 | | (4.403.282.368) | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 150.303.651.909 | 31.043.775.965 | 10.223.095.149 | (4.403.282.368) | 187.167.240.655 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 47.572.719.525 | 3.761.886.711 | 2.067.901.721 | (734.168.241) | 52.668.339.716 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (36.823.798.260) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 15.844.541.456 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 106.815.347 | 1.185.175 | 233.237.642 | | 341.238.164 |
| Chi phí tài chính | (42.379.762) | - | (1.085.289.753) | | (1.127.669.515) |
| Thu nhập khác | 202.344.321 | 750.065.434 | 271.758.776 | | 1.224.168.531 |
| Chi phí khác | (32.541.519) | (450.587.352) | (232.096.278) | | (715.225.149) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (3.643.325.042) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | (329.929.286) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 11.593.799.159 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 5.979.558.058 | 131.022.637 | 1.031.309.036 | | 7.141.889.731 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 22.529.695.019 | 2.354.011.206 | 2.310.452.112 | | 27.194.158.337 |
| Năm trước | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 135.066.491.509 | 28.218.077.501 | 11.886.212.583 | | 175.170.781.593 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | 4.697.613.433 | 696.263.708 | | (5.393.877.141) | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 139.764.104.942 | 28.914.341.209 | 11.886.212.583 | (5.393.877.141) | 175.170.781.593 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 35.534.876.173 | 4.141.053.161 | 3.099.698.372 | (1.048.751.707) | 41.726.875.999 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (27.914.074.860) |

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Nhà hàng, khách sạn | Lữ hành | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 13.812.801.139 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 53.754.279 | 1.090.674 | 22.718.840 | | 77.563.793 |
| Chi phí tài chính | (66.660.075) | | (637.454.979) | | (704.115.054) |
| Thu nhập khác | 102.303.168 | 605.976 | 347.053.807 | | 449.962.951 |
| Chi phí khác | (77.658.330) | (647.415) | (119.828.670) | | (198.134.415) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (2.125.026.924) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | (699.342.593) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 10.613.708.897 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 31.498.845.886 | 2.736.030.360 | 764.401.210 | | 34.999.277.456 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 26.412.404.045 | 2.106.304.252 | 1.740.614.730 | | 30.259.323.027 |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Nhà hàng, khách sạn | Lữ hành | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 93.627.652.898 | 10.722.844.769 | 5.815.649.043 | | 110.166.146.709 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | 38.001.082.274 |
| Tổng tài sản | 93.627.652.898 | 10.722.844.769 | 5.815.649.043 | | 148.167.228.983 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 11.981.640.429 | 2.008.901.335 | 635.974.818 | | 14.626.516.582 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | 21.897.574.952 |
| Tổng nợ phải trả | 11.981.640.429 | 2.008.901.335 | 635.974.818 | | 36.524.091.534 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 111.910.405.267 | 13.716.512.122 | 13.030.815.018 | | 138.657.732.407 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | 8.277.062.413 |
| Tổng tài sản | 111.910.405.267 | 13.716.512.122 | 13.030.815.018 | | 146.934.794.820 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 9.724.296.204 | 1.361.481.243 | 932.190.378 | | 12.017.967.825 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | 24.525.036.061 |
| Tổng nợ phải trả | 9.724.296.204 | 1.361.481.243 | 932.190.378 | | 36.543.003.886 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

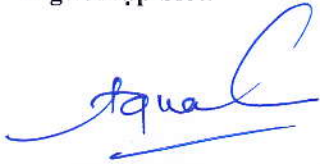
Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội An, ngày 02 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Lan



Tổng Giám đốc

Lê Tiến Dũng

